

I. Mục tiêu:

- Kiến thức: - Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích.
- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.
- Kỹ năng: - Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.
- Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: : Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	- Tính: a) $95 + 11 \times 206$ b) $95 \times 11 + 206$	- 2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn luyện tập Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.	- GV nhận xét, đánh giá. - Giới thiệu bài, ghi bảng. - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV chữa bài, yêu cầu 3HS vừa lên bảng trả lời về cách đổi đơn vị của mình. + Nêu cách đổi $1200\text{kg} = 12\text{ tạ}$? + Nêu cách đổi $15000\text{kg} = 15\text{ tấn}$? + Nêu cách đổi $1000\text{ dm}^2 = 10\text{ m}^2$	- Lắng nghe, ghi bài. - 3 HS lên bảng làm bài. - Nêu: + Vì $100\text{kg} = 1\text{ tạ}$, Mà $1200 : 100 = 12$ Nên $1200\text{kg} = 12\text{ tạ}$ + Vì $1000\text{kg} = 1\text{ tấn}$ Mà $15000 : 1000 = 15$ Nên $15000\text{kg} = 15\text{ tấn}$ + Vì $100\text{ dm}^2 = 1\text{ m}^2$ Mà $1000 : 100 = 10$ Nên $1000\text{ dm}^2 = 10\text{ m}^2$
	Bài 2. Tính.	- GV nhận xét, chữa bài, - Gọi HS đọc yêu cầu của bài. - Yêu cầu HS làm bài.	- Tính. - 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở ý a). a) $\begin{array}{r} 268 \\ \times 235 \\ \hline 1340 \\ 804 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 324 \\ \times 250 \\ \hline 16200 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 324 \\ \times 250 \\ \hline 16200 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 324 \\ \times 250 \\ \hline 16200 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 324 \\ \times 250 \\ \hline 16200 \\ \hline \end{array}$

			$\begin{array}{r} 536 \\ \hline 62980 \end{array}$	81000
	Bài 3. Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.	<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chữa bài, - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS áp dụng các tính chất đã học của phép nhân chúng ta có thể tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất. - 3HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm một phần. a) $2 \times 39 \times 5 = (2 \times 5) \times 39$ $= 10 \times 39 = 390$ b) $302 \times 16 + 302 \times 4$ $= 302 \times (16 + 4)$ $= 302 \times 20 = 6040$ c) $769 \times 85 - 769 \times 75$ $= 769 \times (85 - 75)$ $= 769 \times 10 = 7690$ 	
3'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá.. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau. 		-Lắng nghe, thực hiện.

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Biết chia một tổng cho một số.
2. Kỹ năng: - Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	- Áp dụng tính chất nhân một số với một tổng để tính: a) 45×8 b) 125×7 - GV nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1. Giới thiệu bài 2.2. So sánh giá trị của biểu thức 2.3. Quy tắc chia một tổng cho một số. 2.4. Luyện tập Bài 1. Tính bằng hai cách.	-Giới thiệu bài, ghi bảng - GV viết bảng hai biểu thức: $(35 + 21) : 7$ và $35 : 7 + 21 : 7$ - Yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức trên. - Vậy giá trị của hai biểu thức trên như thế nào với nhau? - GV nói: $(35 + 21) : 7 = 35 : 7 + 21 : 7$ - Biểu thức $(35 + 21) : 7$ có dạng như thế nào? - Yêu cầu HS nhận xét về dạng của biểu thức $53 : 7 + 21 : 7$? - Nêu từng thương trong biểu thức này? - 35 và 21 là gì trong biểu thức: $(35 + 21) : 7$? - 7 là gì trong biểu thức trên? - GV nêu tính chất. - Bài tập a) yêu cầu chúng ta làm gì? - GV viết lên bảng biểu thức: $(15 + 35) : 5$.	-Lắng nghe, ghi bài. - HS đọc biểu thức. - 1HS lên bảng, cả lớp làm nháp. $(35 + 21) : 7 = 56 : 7 = 8$ $35 : 7 + 21 : 7 = 5 + 3 = 8$ - Giá trị của hai biểu thức bằng nhau. - Theo dõi. - Có dạng là một tổng chia cho một số. - Biểu thức là tổng của hai thương. - Thương thứ nhất là $35 : 7$, thương thứ hai là $21 : 7$. - Là các số hạng của tổng $(35 + 21)$. - 7 là số chia. - Nghe và nêu lại. - Tính bằng hai cách. - Theo dõi. - Nêu: Tính tổng rồi lấy tổng chia cho số chia; Lấy từng số

	<p>Bài 2. Tính bằng hai cách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu cách tính biểu thức trên? - Yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV nhận xét, đánh giá. - GV viết lên bảng biểu thức: $12 : 4 + 20 : 4$ - Yêu cầu HS tìm hiểu cách làm và làm bài theo mẫu. - Tại sao có thể viết là: $12 : 4 + 20 : 4 = (12 + 20) : 4$ - Yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại. - GV nhận xét, đánh giá. - GV viết lên bảng biểu thức: $(35 - 21) : 7$ - Yêu cầu HS tính giá trị của biểu thức trên theo 2 cách. - Yêu cầu 2 HS vừa lên bảng nêu cách làm của mình. - GV giới thiệu tính chất chia một hiệu cho một số. - Yêu cầu HS làm bài vào vở. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau. 	<p>hạng chia cho số chia rồi cộng các kết quả với nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài. - Theo dõi. - Thực hiện tính giá trị của biểu thức trên theo mẫu. - Vì trong biểu thức đầu, ta có 12 và 20 cùng chia cho 4, áp dụng tính chất một tổng chia cho một số ta có thể viết được như vậy. - 2 HS lên bảng làm bài. - Đọc biểu thức. - 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 cách. - Nêu: <ul style="list-style-type: none"> + Cách 1: Tính hiệu rồi lấy hiệu chia cho số chia. + Cả số trừ và số bị trừ của hiệu đều chia hết cho số chia nên ta lần lượt lấy số trừ và số bị trừ chia cho số chia rồi trừ các kết quả cho nhau. - Nghe và ghi nhớ. - 2 HS lên bảng làm bài. - Lắng nghe, thực hiện.
3'	3. Củng cố, dặn dò		

Tiết 1

Toán CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư).